

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 01 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Minh Chánh.
2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim Q, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 03, ấp KP, xã KH, huyện CP, tỉnh AG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phan Thanh Th, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 03, ấp KP, xã KH, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Kim Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Q và ông Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện CP, tỉnh AG ngày 25/3/2008. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không

hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, đời sống chung không còn hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Bà Q và ông Th có 03 con chung tên Phan Văn Th1, sinh ngày 09/5/1996; Phan Văn L, sinh ngày 17/3/2000 và Phan Văn L1, sinh ngày 12/10/2007. Hiện cháu Th1 và cháu L đã thành niên và có khả năng lao động được; cháu L1 đang chung sống với ông Th. Sau khi ly hôn, bà Q đồng ý giao cháu L1 cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà Q không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Phan Thanh Th vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Bà Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đó bà Q giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho bà Q ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Phan Văn L1, sinh ngày 12/10/2007 cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Th không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần Th1 hai, không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Q và ông Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, bắt đầu chung sống vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện CP, tỉnh AG ngày 25/3/2008, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông Th được pháp luật công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn; làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà Q và ông Th có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và ông Th vắng mặt nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa bà Q và ông Th đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Q ly hôn với ông Th theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Q và ông Th có 03 con chung tên Phan Văn Th1, sinh ngày 09/5/1996; Phan Văn L, sinh ngày 17/3/2000 và Phan Văn L1, sinh ngày 12/10/2007. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, cháu L1 đang chung sống với ông Th; bà Q đồng ý giao cháu L1 cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù hiện nay ông Th đang đi làm ăn xa và không có ý kiến về việc nuôi con; cháu L1 đang theo sống cùng ông Th nên không ghi nhận được nguyện vọng. Tuy nhiên, qua xem xét thực tế, để tạo điều kiện cho cháu L1 được ổn định về tâm lý, chỗ ở và sinh hoạt, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Phan Văn L1 cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với con chung tên Th1 và L đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Ông Th không có ý kiến về việc cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông Th có yêu cầu cấp dưỡng cho con sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp. Ông Th không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Kim Q ly hôn với ông Phan Thanh Th.

2. Về con chung:

- Ông Phan Thanh Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Văn L1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2007.

- Ông Phan Thanh Th không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bà Nguyễn Kim Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Th cùng các thành viên gia đình của ông Th, không được cản trở bà Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp bà Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Q.

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0008749 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Kim Q và ông Phan Thanh Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND xã **KH**
(khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

